

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số 25 đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K - Phó tổng giám đốc.

(Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-SeAbank ngày 20/4/2018).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Đặng P - Giám đốc xử lý nợ khu vực miền Trung

- Ông Nguyễn Xuân S - Chuyên viên xử lý nợ miền Trung

- Ông Nguyễn Tuấn L - Chuyên viên xử lý nợ miền Trung

Địa chỉ: Số 19 đường P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị □nh T và ông Mai Xuân T

ĐKKHKT: Lô 31 LK04 KhuĐTĐ, phường A, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã Hoằng Long, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N- Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Thôn H, xã TH, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 24/8/2018, giữa Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Mai Xuân T ký hợp đồng tín dụng số từng lần số REF1823400187/HDTD/THANH HOA - NTAT và phụ lục hợp đồng tín dụng cùng giấy nhận nợ kèm theo, số tiền vay là 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng.

Tính đến ngày 29/01/2021, bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Mai Xuân T còn nợ ngân hàng số tiền 297.463.400 (hai trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm) đồng. Trong đó:

- Nợ gốc trong hạn: 257.843.000 đồng;
- Nợ gốc quá hạn: 8.499.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 28.300.888 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 2.820.512 đồng.

2.2. Hai bên thống nhất bà T, ông T có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng A. Phương thức trả nợ như sau:

- Đối với số tiền nợ quá hạn:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 22/02/2021, trả số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 26/02/2021, trả số tiền là 19.620.400 (mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm) đồng và số tiền gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/ 01/2021 đến ngày 26/02/2021.

- Sau khi trả hết số tiền nợ quá hạn, đối với số nợ còn lại: bà T, ông T thanh toán theo các kỳ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng REF1823400187/HDTD/THANHHOA-NTAT ký ngày 24/8/2018 và Phụ lục hợp đồng tín dụng cùng Giấy nhận nợ kèm theo đã ký giữa hai bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu bà T, ông T vi phạm một trong bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên (bao gồm kỳ theo Hợp đồng tín dụng) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất thửa số 76 tờ bản đồ số 04 địa chỉ thôn HT, xã TH, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BV 620278 do UBND huyện TT, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/4/2015 cho bà Nguyễn Thị N để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

2.3. Về án phí: Bà T và ông T phải chịu 7.436.500 (Bảy triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.537.000 (bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền số

AA/2017/0001539 ngày 15/10/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh